

Báo cáo ngành

Kết quả kinh doanh Q1 2025: Nhóm Phi tài chính dẫn đầu tăng trưởng lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế toàn thị trường tăng 25.7% YoY trong Q1 2025, hồi phục mạnh từ mức nền thấp của Q1 2024. Diễn biến tích cực này chủ yếu đến từ mức tăng 40.1% YoY của nhóm Phi tài chính và 13.3% YoY của nhóm Tài chính (Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm).

13/19 nhóm ngành ghi nhận lợi nhuận tăng trong quý.

- Truyền thông, Ngân hàng, Bất động sản và Điện, nước, xăng dầu và khí đốt là các nhóm ngành đóng góp lớn nhất về số tuyệt đối vào tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường. LNST ngành Ngân hàng tăng 15.3% YoY nhờ thu nhập lãi thuần tăng 6.2% YoY, thu ngoài lãi và phí dịch vụ tăng 44.3% YoY, trong khi chi phí dự phòng giảm 1.3% YoY. Nhóm Bất động sản ghi nhận mức tăng 51.1% YoY, dẫn dắt bởi các thương vụ chuyển nhượng lớn như dự án Global Gate của VIC và tiến độ bàn giao mạnh tại VHM. Ngành Điện – nước – xăng dầu – khí đốt tăng 52.6% YoY, nhờ nền thấp và biên lợi nhuận cải thiện tại PGV, GEG và POW. Truyền thông tăng trưởng đột biến do khoản ghi nhận một lần từ thương vụ của VEF
- Ở chiều ngược lại, Dầu khí, Du lịch & Giải trí và Dịch vụ tài chính là ba nhóm ngành kéo giảm tăng trưởng chung. LNST nhóm Dầu khí giảm 56.5% YoY do giá dầu và crack spread sụt giảm, trong khi Du lịch & Giải trí giảm 17.7% YoY do mức nền cao bất thường từ HVN. LNST ngành Dịch vụ tài chính giảm 11.6% YoY do thanh khoản thị trường và doanh thu môi giới tại các CTCK thu hẹp

Lợi nhuận của các DNNY trên HOSE và UPCOM lần lượt tăng 15.7% và 113.9% YoY trong Q1 2025, trong khi HNX giảm 11.7% YoY.

Trong các nhóm chỉ số trên HOSE, LNST của nhóm VN30 tăng trưởng mạnh nhất với +17.2% YoY, dẫn dắt bởi SSB (+191% YoY), MBB (+44%) và VHM (+193%). LNST của nhóm VNMIID và VNSML cũng tăng trưởng dương trở lại, lần lượt đạt +15.0% YoY và +7.3% YoY.

Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@tvs.vn
+84 24 32484820 Ext. 6417

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
hanhntk@tvs.vn
+84 24 32484820 Ext. 6412

Phạm Nguyên Long
longpn@tvs.vn
+84 24 32484820 Ext. 6420

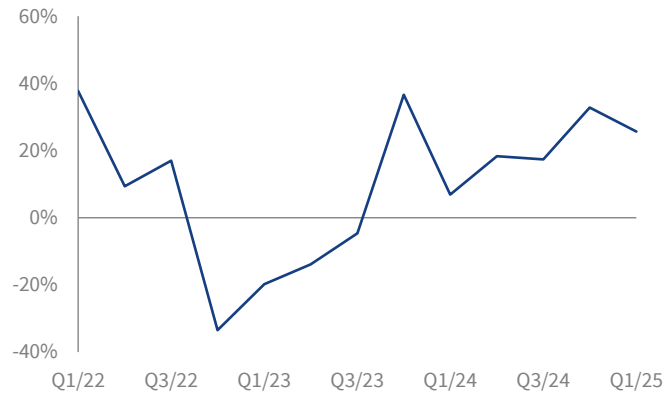
Toàn cảnh Kết quả kinh doanh Q1 2025

LNST toàn thị trường tăng 25.7% trong Q1 2025.

LNST Q1 2025 tăng 25.7% YoY trên mức nền thấp của Q1 2024. Đóng góp chính cho sự hồi phục này là tăng trưởng mạnh 40.1% YoY của nhóm Tài chính và tăng trưởng 13.3% YoY của nhóm DN Tài chính (Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm).

Biểu đồ 1: LNST toàn thị trường duy trì xu hướng tăng trưởng trong Q1 2025

Tăng trưởng LNST toàn thị trường hàng năm [% YoY]

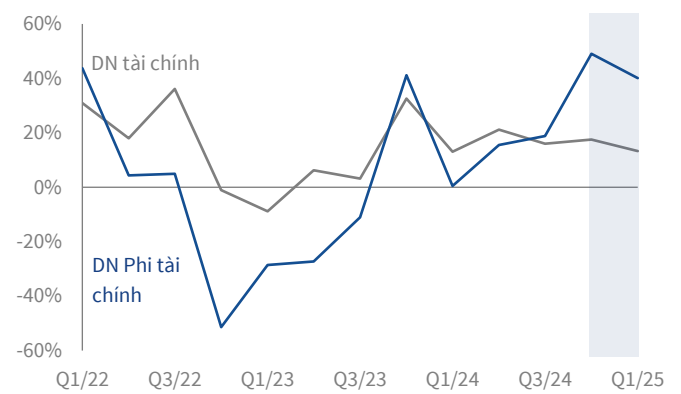


Nguồn: Fiipro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1,031/1,748 doanh nghiệp, chiếm 98.0% vốn hoá toàn thị trường

Biểu đồ 2: LNST nhóm Phi tài chính hồi phục mạnh trong Q1 2025

Tăng trưởng LNST theo nhóm ngành hàng quý [% YoY]



Nguồn: Fiipro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1,031/1,748 doanh nghiệp, chiếm 98.0% vốn hoá toàn thị trường

13/19 nhóm ngành có lợi nhuận Q1 2025 tăng so với cùng kỳ.

Truyền thông, Ngân hàng, Bất động sản & Điện, nước, xăng dầu và khí đốt là những nhóm ngành đóng góp lớn nhất về số tuyệt đối cho tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường.

Về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, Truyền thông, Bán lẻ, Điện, nước, xăng dầu và khí đốt, Bất động sản, Hoá chất là những ngành có mức độ cải thiện lợi nhuận lớn nhất trong quý này. Chúng tôi lưu ý ngành Truyền thông ghi nhận mức tăng trưởng đột biến về cả giá trị tuyệt đối và tăng trưởng trong Q1 2025 chủ yếu nhờ đóng góp của VEF (+11,202% YoY) do ghi nhận doanh thu bán buôn một phần dự án Vinhomes Global Gate (Đông Anh, Hà Nội), do đó không phản ánh tăng trưởng lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi của toàn ngành.

- LNST các **Ngân hàng** niêm yết (NHNY) trong Q1 2025 đạt 66,246 tỷ VND (+15.3% YoY) nhờ tăng trưởng 6.2% YoY của thu nhập lãi thuần và 44.3% YoY của các khoản thu ngoài lãi và phí dịch vụ trong khi chi phí dự phòng giảm nhẹ 1.3% YoY. Tình hình kinh doanh của ngành ngân hàng trong Q1 2025 chưa cải thiện QoQ với biên lãi thuần (NIM) tiếp tục thu hẹp, thu phí dịch vụ khó khăn, nợ xấu gia tăng và bộ đệm dự phòng giảm. Thu nhập hoạt động của các NHNY trong Q1 2025 tăng 9.3% YoY nhờ (1) quy mô tín dụng được mở rộng (+19.9% YoY và +3.8% YTD) và nguồn thu ngoài lãi tăng mạnh tại một số ngân hàng như SSB (ghi nhận trên 2,600 tỷ VND từ thoái toàn bộ vốn

khởi công ty tài chính PTF), VCB (tăng thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối) và CTG, HDB, VPB... (tăng thu hồi nợ xấu đã xử lý). Trong khi đó, NIM của các NHNY thu hẹp so với quý trước và cùng kỳ 2024 do lãi suất cho vay bình quân giảm (Theo NHNN, LSCV bình quân Q1 2025 tiếp tục giảm 0.4 điểm phần trăm so với cuối năm 2024, sau khi giảm 1.4 đpt trong năm trước). Mặc dù giảm YoY, chi phí vốn của các NHNY trong Q1 2025 tăng nhẹ QoQ do mặt bằng lãi suất có thời điểm tăng trong quý và tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của ngành giảm. Tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 của các NHNY có xu hướng tăng nhẹ trong Q1 2025. Tốc độ tăng trích lập dự phòng chậm hơn so với tăng nợ xấu đã khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu chưa thể cải thiện. Trong bối cảnh khó khăn tiếp diễn đối với ngành ngân hàng, các ngân hàng có tăng trưởng lợi nhuận cao tập trung ở nhóm NHTM tư nhân có quy mô tín dụng tăng mạnh trong năm 2024 và Q1 2025 như MBB, VPB, HDB và SSB nhờ lợi nhuận bất thường từ thoái vốn công ty con. Trong khi đó, một số ngân hàng bán lẻ như ACB và VIB ghi nhận lợi nhuận giảm so với cùng kỳ

- Ngành **Bất động sản** ghi nhận mức tăng trưởng LNST 51.1% YoY trong Q1 2025, chủ yếu nhờ ba động lực: (1) các thương vụ chuyển nhượng dự án quy mô lớn giúp hiện thực hóa lợi nhuận, (2) tiến độ bàn giao nhà nhanh hơn kỳ vọng tại nhóm Vingroup, và (3) tăng trưởng đều của mảng bất động sản khu công nghiệp. LNST của VIC đạt 2,243 tỷ VND (+68% YoY), chủ yếu nhờ chuyển nhượng dự án Global Gate (Hà Nội) với doanh thu 43.5 nghìn tỷ VND và lợi nhuận trước thuế 16.7 nghìn tỷ VND. Trong khi đó, VHM ghi nhận LNST 2,652 tỷ VND (+193% YoY) nhờ đẩy mạnh bàn giao tại Ocean Park 3, Royal Island và Ocean Park 2. Đối với nhóm KCN, SIP đạt LNST 402 tỷ VND (+56% YoY) nhờ bàn giao đất cho 15 khách hàng tại KCN Phước Đông và 6ha tại KCN Lộc An – Bình Sơn. Với BCM, công ty ghi nhận LNST 358 tỷ VND (gấp 3 lần YoY), nhờ doanh thu cho thuê đất KCN tăng 3 lần so với cùng kỳ, tập trung tại các dự án VSIP Bắc Ninh 2, VSIP Bình Định và bàn giao tại khu dân cư Thới Hòa – Bà Bàng. TVS Research đánh giá KQKD trong Q1 2025 là kết quả của các thương vụ đã có kế hoạch từ trước, hơn là sự cải thiện rõ rệt về nhu cầu thị trường. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng cần theo dõi chặt chẽ diễn biến dòng vốn FDI cũng như nhu cầu thuê đất KCN trong các quý tới trước những ảnh hưởng từ chính sách thuế quan của Mỹ
- LNST toàn ngành **Điện – nước – xăng dầu – khí đốt** tăng 52.6% YoY trong Q1 2025, với đóng góp chủ yếu từ 3 doanh nghiệp đầu ngành là PGV, GEG và POW. Động lực tăng trưởng đến từ các yếu tố: 1) mức nền LNST thấp trong Q1 2024, 2) biên lợi nhuận cải thiện và 3) một số yếu tố hỗ trợ bất thường. PGV ghi nhận LNST 101 tỷ VND trong Q1 so với mức lỗ 652 tỷ VND cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu nhờ được phân bổ sản lượng điện hợp đồng (Qc) cao hơn cho cụm điện khí Phú Mỹ, qua đó giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 6.3% lên 8.5%. Đồng thời, khoản lỗ tỷ giá cũng thu hẹp từ 419 tỷ VND xuống 214 tỷ

VND. GEG đạt LNST 613 tỷ VND, tăng gần 5 lần YoY, nhờ ghi nhận doanh thu hồi tố từ dự án điện gió Tân Phú Đông 1 (TPD1) và chi phí tài chính giảm sau khi cơ cấu lại danh mục trái phiếu, bao gồm kéo dài kỳ hạn và giảm lãi suất. POW ghi nhận LNST 472 tỷ VND (+118% YoY) do sản lượng điện thương phẩm tăng 30% YoY và giá bán bình quân cải thiện tại các nhà máy điện khí và điện than

- LNST của các doanh nghiệp **Bán lẻ** tăng mạnh 72.6% YoY trong Q1 2025 nhờ tăng trưởng của các nhóm (i) bán lẻ hàng thiết yếu và (ii) dịch vụ hàng không. Đối với nhóm bán lẻ thiết yếu, các doanh nghiệp có tăng trưởng mạnh mẽ trong Q1 2025 vẫn là MWG (+71.4% YoY) và FRT (+251% YoY) với sự mở rộng ở chuỗi siêu thị Bách Hóa Xanh (MWG) và nhà thuốc Long Châu (FRT). Đối với nhóm doanh nghiệp dịch vụ hàng không, AST và SAS ghi nhận tăng trưởng LNST lần lượt ở mức +48% YoY và +146% YoY. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân đến từ sự hồi phục của ngành du lịch khi lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam qua đường hàng không trong Q1 2025 +34% YoY, giúp cải thiện KQKD của các DN cung cấp dịch vụ trong sân bay như AST và SAS
- Tăng trưởng LNST toàn ngành **Hóa chất** đạt 39.0% YoY trong Q1 2025, chủ yếu đến từ ba doanh nghiệp lớn gồm GVR, DGC và DDV. GVR ghi nhận LNST 1,356 tỷ VND (+109% YoY), dẫn đầu toàn ngành nhờ giá bán mù cao su xuất khẩu tăng 31.4% YoY, giúp biên lợi nhuận gộp mủ cao su cải thiện từ 21.9% lên 28.0%. Đồng thời, GVR ghi nhận khoản thu nhập khác gấp 4 lần cùng kỳ, giúp LNST tăng trưởng mạnh. LNST của DGC đạt 837 tỷ VND (+19% YoY), nhờ sản lượng tiêu thụ phốt pho vàng (P4) tăng 28% YoY, giá bán bình quân tăng nhẹ và chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm về mức 5.4%. DDV ghi nhận LNST 122 tỷ VND (+362% YoY), chủ yếu nhờ giá bán DAP tăng 14% YoY và biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 8.7% lên 16.3%, bên cạnh đóng góp bổ sung từ doanh thu NH, ngoài hệ thống tập đoàn

Ngược lại, Dầu khí, Du lịch Giải trí và Dịch vụ tài chính kéo giảm chính lợi nhuận toàn thị trường.

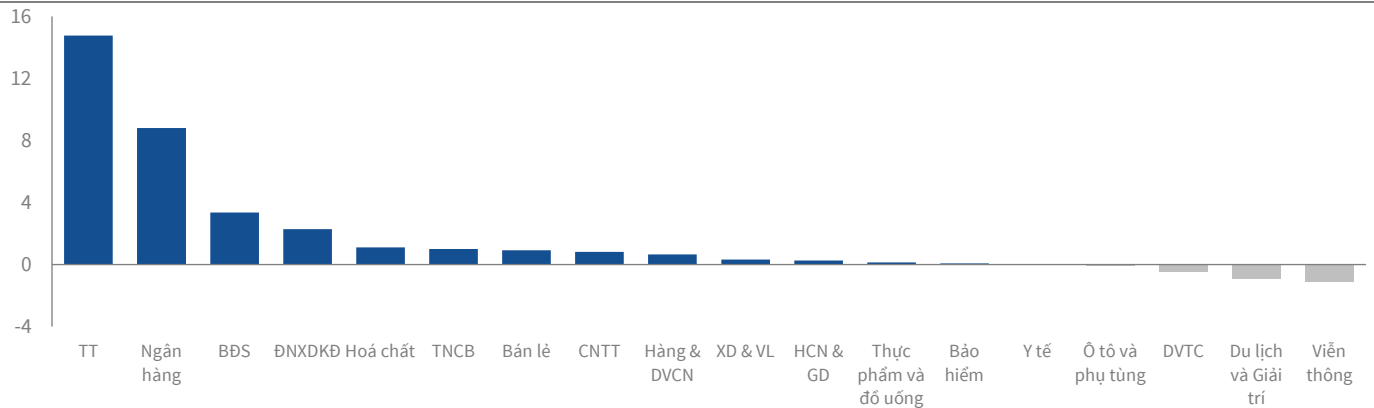
- LNST toàn ngành **Dầu khí** giảm 56.5% YoY trong Q1 2025, phản ánh tác động đồng thời từ giá dầu giảm, crack spread thu hẹp và áp lực tỷ giá gia tăng. PLX ghi nhận LNST đạt 211 tỷ VND (-81% YoY), chủ yếu do phải bán lượng hàng tồn kho nhập khẩu từ kỳ giá cao trước đó trong khi giá dầu Brent trung bình quý I giảm hơn 8% YoY. Điều này dẫn tới việc trích lập 261 tỷ VND dự phòng tồn kho và kéo biên lợi nhuận gộp giảm còn 5.5%. BSR ghi nhận LNST đạt 399 tỷ VND (-64% YoY), dù sản lượng tiêu thụ phục hồi 19% YoY sau kỳ bảo dưỡng. Tuy nhiên, crack spread bình quân tại các sản phẩm chính như xăng, DO và Jet A1 giảm từ 20% đến 41% YoY, kéo biên lợi nhuận gộp từ 4.1% xuống chỉ còn 1.2%. Doanh nghiệp cũng trích lập 381 tỷ VND dự phòng tồn kho do giá dầu Brent trung bình quý I chỉ đạt 75.7 USD/thùng (-9% YoY).

OIL ghi nhận LNST hợp nhất 26 tỷ VND (-89% YoY), trong bối cảnh lãi gộp giảm 57% và lợi nhuận tài chính giảm 31%, trong khi chi phí tài chính tăng 70 tỷ VND do lỗ tỷ giá và thêm 45 tỷ VND trích lập dự phòng đầu tư

- LNST toàn ngành **Du lịch & Giải trí** giảm 17.7% YoY trong Q1 2025, chủ yếu do mức nền cao từ HVN. Doanh nghiệp ghi nhận LNST đạt 3,486 tỷ VND (-22% YoY), dù doanh thu tăng 9% YoY và biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 21% (so với 15% cùng kỳ). Nguyên nhân do HVN đã ghi nhận 2,600 tỷ VND lợi nhuận không thường xuyên từ hoạt động tái cấu trúc Pacific Airlines trong Q1 2024, trong khi Q1 2025 phát sinh 315 tỷ VND lỗ không thường xuyên. Nếu loại trừ các yếu tố một lần, lợi nhuận trước thuế cốt lõi của HVN tăng mạnh 110% YoY nhờ kiểm soát chi phí hiệu quả và giá nhiên liệu bay Jet A1 giảm khoảng 20% YoY
- LNST của ngành Dịch vụ tài chính trong Q1 2025 giảm 11.6% YoY. Chúng tôi cho rằng KQKD kém khả quan của các CTCK có thể do thanh khoản thị trường giảm hơn 23% YoY, đồng thời chỉ số VN-Index trong Q1 chỉ tăng nhẹ 2.9% (so với mức tăng 13.5% trong Q1 2024). Đóng góp lớn nhất cho sự sụt giảm về lợi nhuận của ngành Dịch vụ tài chính là VND (-38% YoY), TVC (-127% YoY), v.v.

Biểu đồ 3: 13/19 ngành ghi nhận LNST tăng trong Q1 2025

Tăng/ Giảm LNST Q1 2025 theo nhóm ngành [nghìn tỷ VND]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1,031/1,748 doanh nghiệp, chiếm 98.0% vốn hoá toàn thị trường

TNCB: Tài nguyên cơ bản; Hàng & DVCN: Hàng & Dịch vụ công nghiệp; DVTC: Dịch vụ tài chính; CNTT: Công nghệ thông tin; TT: Truyền thông; HCN & GD: Hàng cá nhân & gia dụng; BĐS: Bất động sản; ĐNXXDKĐ: Điện, nước, xăng dầu khí đốt; XD & VL: Xây dựng và Vật liệu

LNST của các DN niêm yết trên HOSE và UPCOM tăng trong Q1 2025 trong khi HNX giảm.

Lợi nhuận của các DNNY trên HOSE và UPCOM tăng lần lượt 15.7% YoY và 113.9% YoY trong Q1 2025. Đóng góp chính cho tăng trưởng lợi nhuận các DNNY trên HSX là SSB (+191% YoY), MBB (+44% YoY) và VHM (+193% YoY). Đối với UPCoM, tăng trưởng đột biến đến từ VEF (+11,202% YoY). Trong khi đó, HNX giảm LNST 11.7% YoY do tác động tiêu cực từ IDC (-48% YoY) và KSF (-89% YoY).

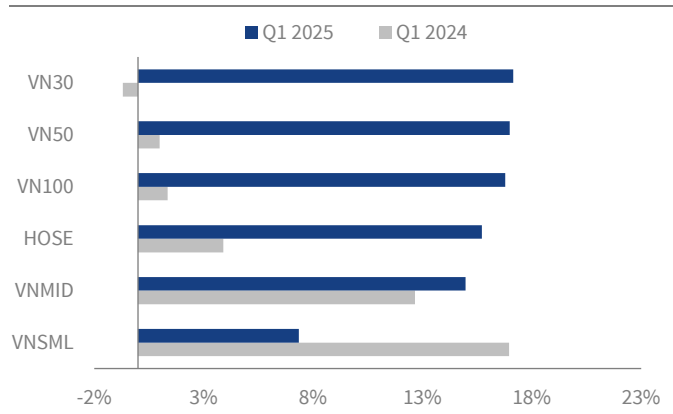
Trên HOSE, nhóm vốn hoá lớn có tăng trưởng lợi nhuận tốt nhất trong các nhóm vốn hóa.

Nhóm VN30 đạt mức tăng trưởng LNST cao nhất trong Q1 2025 trong các nhóm chỉ số, đạt 17.2% YoY nhờ đóng góp từ các DN lớn là SSB (+191% YoY), MBB (+44% YoY), VHM (+193% YoY).

Các nhóm vốn hóa vừa (VNMID) và nhỏ (VNSML) cũng có tăng trưởng dương trong Q1 2025, tuy nhiên có sự phân hoá khi LSNT VNMID tăng 15.0% YoY còn LNST của VNSML chỉ tăng 7.3% YoY, chủ yếu do tác động tiêu cực của AGG (-96% YoY), VOS (lỗ 54 tỷ so với cùng kỳ lãi 75 tỷ VND).

Biểu đồ 4: Hầu hết các nhóm chỉ số đều có tăng trưởng lợi nhuận cao hơn tăng trưởng trong Q1 2025

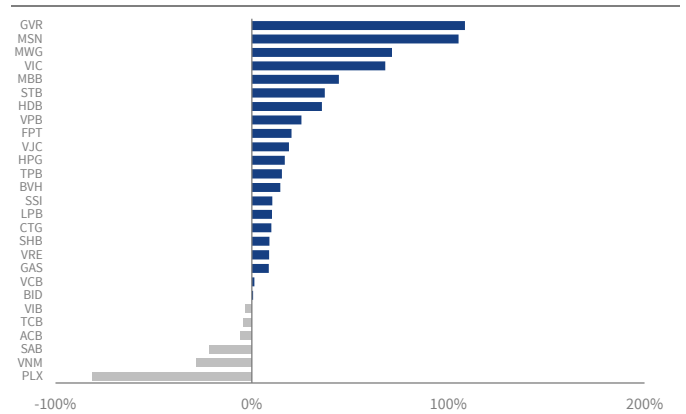
Tăng trưởng LNST theo nhóm [% YoY]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Biểu đồ 5: PLX ghi nhận mức giảm LNST Q1 2025 mạnh nhất trong VN30

Tăng trưởng LNST Q1 2025 của các doanh nghiệp trong nhóm VN30 [% YoY]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Phụ lục 1: Tổng quan KQKD toàn thị trường

Nhóm ngành	DN ra báo cáo Q1 25			Tăng trưởng LNST (YoY)												
	ICB cấp 2	% Tổng vốn hoá thị trường	Số lượng DN	%Vốn hoá ngành	Q1/22	Q2/22	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Ngân hàng	30.6%	27/27	100.0%	31.0%	35.6%	53.4%	17.3%	-4.4%	-1.6%	-1.4%	25.7%	9.6%	21.7%	17.6%	19.1%	15.3%
Bất động sản	14.6%	85/127	97.4%	-17.9%	-49.2%	35.2%	-9.4%	48.5%	62.8%	-29.6%	1.4%	-61.3%	-32.1%	16.9%	99.0%	51.1%
Thực phẩm và đồ uống	9.2%	98/153	97.2%	46.8%	11.8%	9.2%	-66.9%	-34.6%	-12.4%	-10.3%	57.2%	14.7%	10.0%	20.9%	17.2%	1.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.7%	141/264	98.1%	42.6%	29.7%	155.5%	-9.2%	-17.1%	9.1%	-7.6%	-12.8%	32.2%	8.0%	11.4%	71.6%	7.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.5%	104/145	97.4%	57.6%	52.9%	17.3%	18.4%	-8.7%	-26.6%	-39.7%	-25.9%	-49.2%	-21.8%	36.2%	-12.4%	52.6%
Tài nguyên Cơ bản	4.3%	73/113	98.7%	7.4%	-61.4%	N/A	N/A	-88.0%	-84.4%	N/A	N/A	171.4%	410.9%	11.6%	41.8%	27.8%
Xây dựng và Vật liệu	3.6%	184/343	93.3%	61.7%	37.5%	10.2%	-72.3%	-72.1%	-44.1%	-10.4%	119.8%	114.2%	39.6%	44.5%	60.4%	10.5%
Dịch vụ tài chính	3.7%	41/59	90.7%	39.4%	N/A	-67.4%	N/A	-61.0%	N/A	138.9%	N/A	103.2%	17.3%	11.7%	-10.9%	-11.6%
Hoá chất	3.2%	51/72	96.3%	259.0%	116.2%	33.1%	-25.8%	-71.0%	-69.7%	-70.6%	-1.7%	6.5%	49.2%	91.2%	-14.3%	39.0%
Dầu khí	1.9%	10/12	99.8%	14.2%	175.6%	-50.9%	0.6%	-11.5%	-72.9%	827.9%	-8.5%	5.4%	-7.9%	N/A	-52.5%	-56.5%
Du lịch và Giải trí	2.1%	27/48	98.8%	-51.7%	-40.4%	-42.2%	339.3%	N/A	-52.8%	-14.2%	-63.6%	1,233.0%	N/A	N/A	N/A	-17.7%
Công nghệ Thông tin	2.6%	18/29	99.3%	52.7%	32.9%	24.0%	-8.5%	0.8%	7.9%	16.7%	28.9%	19.6%	24.4%	16.0%	28.8%	36.4%
Bán lẻ	2.1%	22/32	98.5%	27.7%	-9.9%	36.2%	-62.7%	-86.7%	-95.3%	-67.8%	-68.2%	367.1%	2330.1%	226.3%	334.6%	72.6%
Viễn thông	3.7%	5/8	99.8%	3546.2%	33.4%	319.6%	71.5%	-40.2%	N/A	-13.1%	N/A	95.2%	N/A	-33.2%	233.8%	-47.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.0%	44/76	91.6%	40.3%	44.8%	122.8%	-38.0%	-36.2%	-51.9%	-39.2%	19.5%	1.9%	36.1%	54.4%	30.5%	17.1%
Bảo hiểm	1.1%	12/13	100.0%	5.4%	-50.7%	-40.2%	-10.7%	8.1%	114.0%	42.7%	18.9%	14.4%	12.3%	-32.6%	15.5%	4.5%
Y tế	0.9%	41/60	95.2%	24.1%	0.6%	32.1%	14.1%	30.5%	32.3%	-7.1%	0.8%	-13.5%	-11.9%	-0.1%	2.1%	-0.7%
Truyền thông	0.8%	23/40	94.1%	-25.5%	N/A	-87.2%	N/A	-18.1%	N/A	196.7%	N/A	34.7%	N/A	224.7%	4,626.2%	14,642.4%
Ô tô và phụ tùng	0.2%	13/15	99.8%	12.9%	4.0%	N/A	-23.8%	-66.4%	-50.9%	-56.7%	-18.6%	116.6%	118.0%	-38.6%	-41.2%	-23.1%
HOSE	75.4%	368/410	99.2%	35.5%	9.5%	16.1%	-25.6%	-18.1%	-10.6%	-5.7%	26.5%	3.9%	13.1%	18.3%	34.4%	15.7%
HNX	5.0%	288/314	95.6%	30.7%	-23.6%	-14.8%	-46.0%	-30.7%	-2.1%	-9.2%	10.7%	39.9%	32.8%	24.7%	-72.5%	-11.7%
UPCOM	19.6%	375/910	93.8%	61.4%	24.9%	40.4%	-76.7%	-27.7%	-37.3%	3.7%	277.7%	19.3%	58.2%	10.9%	63.3%	113.9%
VN30	53.0%	30/30	100.0%	24.8%	-1.1%	13.0%	-9.7%	-8.6%	3.1%	-0.7%	20.9%	-0.7%	25.6%	16.2%	40.5%	17.2%
VN50	51.7%	50/50	100.0%	30.6%	-4.7%	10.9%	-20.9%	-17.0%	5.5%	-4.1%	16.5%	1.0%	23.1%	15.3%	47.6%	17.0%
VN100	66.1%	97/99	99.8%	30.9%	1.5%	13.9%	-18.5%	-17.1%	1.0%	-5.4%	20.9%	1.4%	18.9%	15.9%	39.9%	16.8%
VNSML	3.7%	174/185	97.3%	19.0%	-7.4%	32.2%	-65.0%	-38.8%	-39.3%	-35.8%	83.4%	17.0%	39.5%	18.5%	9.1%	7.3%
VNMID	13.1%	67/69	99.0%	56.4%	11.3%	17.8%	-44.6%	-45.3%	-6.4%	-25.3%	20.5%	12.7%	-6.2%	13.9%	37.1%	15.0%
Nhóm vốn hoá lớn	82.4%	104/105	99.8%	39.6%	17.8%	25.4%	-19.3%	-13.8%	-8.9%	-3.2%	24.6%	5.9%	16.0%	15.4%	38.2%	27.6%
Nhóm vốn hoá vừa	13.8%	283/308	92.8%	28.4%	-9.1%	-15.1%	-71.9%	-39.6%	-38.4%	-10.7%	152.5%	9.3%	47.3%	35.8%	11.8%	16.9%
Nhóm vốn hoá nhỏ	3.8%	644/1,335	76.6%	38.2%	-47.1%	-22.2%	-90.9%	-65.6%	-21.8%	-23.7%	250.7%	40.3%	-34.9%	9.3%	-31.0%	-2.2%
Tài chính	35.4%	80/99	99.0%	30.9%	18.0%	36.1%	-1.0%	-8.8%	6.2%	3.1%	32.6%	13.1%	21.2%	16.0%	17.5%	13.3%
Phi tài chính	64.6%	951/1,649	97.4%	43.8%	4.3%	4.9%	-51.4%	-28.6%	-27.3%	-11.0%	41.2%	0.5%	15.6%	18.8%	49.0%	40.1%
Toàn thị trường	100.0%	1,031/1,748	98.0%	37.7%	9.4%	17.0%	-33.5%	-19.7%	-13.8%	-4.7%	36.7%	6.9%	18.3%	17.4%	32.8%	25.7%

Nguồn: Finpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1,031/1,748 doanh nghiệp, chiếm 98.0% vốn hoá toàn thị trường

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Nguyễn Trọng Đình Tâm

P. Giám đốc Chiến lược đầu tư
tamntd@tvs.vn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp
hanhntk@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên
quangtpt@tvs.vn

Nguyễn Văn Quang

Chuyên viên
quangnv@tvs.vn